

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 107/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Số 30, ngõ 82 VCT, phường NX, quận LC, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Vũ Đức L; nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: Số nhà 17 ngõ 112 LL, phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Nước cộng hòa Slovakia. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị kết hôn với anh Vũ Đức L trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 5 năm 2011. Quá

trình chung sống của vợ chồng không được hạnh P do anh L không chịu lao động, làm ăn để ổn định cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Sự bất đồng quan điểm ngày càng trở nên nghiêm trọng. Đỉnh điểm đến ngày 29/5/2019, anh L đi lao động ở nước ngoài (Cộng hòa Slovakia). Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Chị chỉ biết anh L đi lao động ở Slovakia còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì chị không rõ. Tuy nhiên, anh L vẫn liên lạc với người thân trong gia đình anh là bố đẻ anh: Ông Vũ Văn P, địa chỉ: Số nhà 17 ngõ 112 LL, phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú cuối cùng của anh L ở Việt Nam là: Số nhà 17 ngõ 112 LL, phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh L để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Vũ Nguyễn T Anh, sinh ngày 14/01/2014 và Vũ Nguyễn L Nhi, sinh ngày 30/8/2019. Hiện các con chung đang ở với chị T. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh L.

Về tài sản chung: Chị xin tự giải quyết với anh L về tài sản chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### ***Đối với anh Vũ Đức L:***

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho bố đẻ anh là ông Vũ Văn P. Tòa án đã 2 lần thông báo cho ông Vũ Văn P cung cấp địa chỉ của anh L ở nước cộng hòa Slovakia và yêu cầu ông P cho biết kết quả về việc ông đã thông báo cho anh L để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tuy nhiên, ông P vẫn không thực hiện yêu cầu trên của Tòa án. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Vũ Văn P thể hiện: Anh L vẫn thường xuyên liên lạc với ông nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể anh L ở nước cộng hòa Slovakia. **Ông P chưa thực hiện thông báo cho anh L về yêu cầu của Tòa án.** Tuy nhiên, anh L biết việc chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh không thể gửi lời khai về cho Tòa án vì công việc của anh bận, việc xin xác nhận của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài rất khó khăn. Gia đình ông P đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị T và anh L ly hôn.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức L đều vắng mặt và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của chị T thể hiện chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

#### ***Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên

tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Đức L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức L xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 5 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Giao hai con chung Vũ Nguyễn T Anh, sinh ngày 14/01/2014 và Vũ Nguyễn L Nhi, sinh ngày 30/8/2019 cho chị T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T xin tự giải quyết với anh L nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị T xin tự giải quyết với anh L, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Vũ Đức L hiện đang sinh sống ở nước ngoài (nước Cộng hòa Slovakia), nguyên đơn chị Nguyễn Thị T sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức L đều vắng mặt, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Vũ Đức L: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Vũ Đức L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức L xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 5 năm 2011 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2010 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc do anh L không chịu lao động để chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị trở nên trầm trọng là từ ngày 29/5/2019, anh L đi lao động ở nước ngoài (Cộng hòa Slovakia). Chính vì sự xa

cách về địa lý nên từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức L có hai con chung là: Vũ Nguyễn T Anh, sinh ngày 14/01/2014 và Vũ Nguyễn L Nhi, sinh ngày 30/8/2019. Hiện tại cả hai con chung đều ở với chị T. Ly hôn, chị T đề nghị được nuôi dưỡng các con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T xin tự giải quyết với anh L. Xét thấy, hiện nay con chung đang ở với chị T, anh L đang ở nước ngoài, gia đình anh L đồng ý để cho chị T nuôi dưỡng con chung khi chị T và anh L ly hôn. Mặt khác, các con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, cần giao các con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Vũ Đức L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Đức L.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Nguyễn T Anh, sinh ngày 14/01/2014 và Vũ Nguyễn L Nhi, sinh ngày 30/8/2019 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp

luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết, chị xin tự giải quyết với anh Vũ Đức L nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Vũ Đức L nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0008587 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Vũ Đức L (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường GV, quận NQ, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Tuyến**





